TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn N.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ánh.
2. Ông Lê Văn Vững.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp 4, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: ấp 5, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H N, sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp 4, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: ấp 5, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Phạm Thanh H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ cH anh H, chị N do mai mối và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/6/2009.

Thời gian đầu vợ cH chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, hay có lời qua tiếng lại làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Nhận thấy tình cảm vợ cH không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nay anh Phạm Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H N.

- Về con chung: Vợ cH có 01 con chung tên Phạm Mỹ Hân, sinh ngày 21/10/2009. Khi ly hôn anh H yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H N đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh H nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

+ Giấy CCCD anh Phạm Thanh H (bản photo).

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

+ Giấy khai sinh con chung (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Thanh H có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị H N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Chị Nguyễn Thị H N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 4, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: ấp 5, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị N được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/6/2009, do đó hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp. Anh H cho rằng thời gian đầu vợ cH chung sống hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, hay có lời qua tiếng lại làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Nhận thấy tình

cảm vợ cH không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nay anh Phạm Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H N.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Nguyễn Thị H N tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị N vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh H. Xét thấy giữa anh H, chị N không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh H và chị N mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Phạm Thanh H.

- Về con chung: Vợ cH có 01 con chung tên Phạm Mỹ Hân, sinh ngày 21/10/2009. Khi ly hôn anh H yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho anh H hay cho chị N nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cho rằng con chung đang sinh sống với anh H và anh H có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ cH thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* ".

Xét thấy từ khi anh H, chị N xảy ra mâu thuẫn đến nay, anh H là người trực tiếp chăm sóc con chung. Bên cạnh đó theo văn bản ghi ý kiến của con chung thì con chung có nguyện vọng được sống với anh H. Do đó để con chung tên Phạm Mỹ Hân, sinh ngày 21/10/2009 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị N không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H trình bày vợ cH không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị N không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Anh Phạm Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Thanh H.

- Về hôn nhân: Anh Phạm Thanh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H N.

- Về con chung: Anh Phạm Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Mỹ Hân, sinh ngày 21/10/2009. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Về án phí: Anh Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008080 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Láng Biển (Giấy CNKH số 28 ngày 10/6/2009);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Ngọc